

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH Đ BÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2018.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH Đ BÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thùy và bà Dương Thị Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị M - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2018/TLST-HN&GD ngày 18 tháng 5 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lò Thị Đ**; sinh năm: 1978.

Cư trú tại: Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Đ Biên. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Lò Văn T**; sinh năm: 1977.

Cư trú tại: Bản D, xã C, huyện T, tỉnh Đ Biên. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 16/5/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lò Thị Đ trình bày:

+ *Về hôn nhân:* Chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn T chung sống như vợ chồng từ tháng 10/2013, đến ngày 15/8/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Trong thời gian chung sống chị Đ, anh T sống hạnh phúc được hai năm, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không giải quyết được. Nên chị Đ, anh T đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay; trong thời gian sống ly thân chị Đ, anh T không còn quan Th đến nhau nữa. Đến nay chị Lò Thị Đ không còn tình cảm vợ chồng với anh Lò Văn T nữa. Chị Đ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T.

+ *Về con chung:* Chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn T có 01 người con chung; cháu

Lò Thị Xuân M, sinh ngày 26/7/2014 hiện nay chị Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu M tại Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lò Thị Xuân M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, chị Đ không yêu cầu anh Lò Văn T cấp dưỡng nuôi con.

+ *Tài sản chung, nợ chung*: Chị Lò Thị Đ khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo không có yêu cầu, kiến nghị và kháng nghị gì. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại đơn đề nghị ngày 21/5/2018 của chị Lò Thị Đ trình bày chị Đ không thể gửi bản phô tô đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho anh Lò Văn T được, vì anh T không có mặt tại địa phương. Ngày 04/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo tiến hành xác minh tại địa chỉ cư trú của anh T, kết quả xác minh: Theo ông Lò Văn Th là bố đẻ của anh T cho biết hiện nay anh Lò Văn T đi làm thuê từ đầu năm 2018, nên khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án đến gia đình, ông Th là người trực tiếp nhận thông báo, do anh T đi làm thuê không có mặt tại địa phương, không thông báo địa chỉ nơi làm việc, không cung cấp số Đ thoại cho gia đình, nên ông Th chưa giao trực tiếp thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cho anh T được, mà anh T chủ động gọi điện về gia đình, vì thế ông Th chỉ thông báo được qua đường điện thoại cho anh T biết Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh, tuy nhiên ông Lò Văn Th không ký vào biên bản xác minh, ông cho rằng nếu ký vào biên bản ông đã đồng ý cho anh T ly hôn và sợ anh T về sẽ đánh ông Th. Cùng ngày 04/6/2018 Tòa án tiến hành xác minh tại bản D, xã C được biết: Từ đầu năm 2018 đến thời điểm xác minh tháng 6/2018 anh Lò Văn T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng vẫn về sinh sống cùng gia đình ông Th tại bản Dừn, xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo, lần gần đây nhất của anh T là vào cuối tháng 5/2018, nhưng sau đó anh T lại đi làm thuê dưới Quảng Ninh. Căn cứ Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự thì trường hợp vắng mặt tại địa phương của bị đơn Lò Văn T được coi là cố tình giấu địa chỉ; Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự (thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa). Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh T tại phiên tòa.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đ Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/8/2014 của UBND xã Q xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị Lò Thị Đ trình bày là do bất đồng quan điểm sống, không giải quyết được, chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, nên chị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lò Văn T.

Về tình trạng hôn nhân: Sau khi thụ lý vụ án không tiến hành hòa giải được, vì Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai mà anh Lò Văn T không thông báo địa chỉ nơi làm việc mới cho Tòa án, cố tình giấu địa chỉ. Lời khai của chị Đ về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định, chị Đ không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh chị không còn tin tưởng nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trở nên trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Từ khi sống ly thân cả chị và anh không ai quan tâm tới ai, căn cứ tình trạng hôn nhân trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị Đ; chị Đ được ly hôn anh Lò Văn T.

[4] Về con chung: Chị Lò Thị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau ly hôn cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Lò Văn T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị Đ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu Lò Thị Xuân M, sinh ngày 26/7/2014; bởi ở độ tuổi này cháu M cần sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ; mặt khác hiện tại anh Lò Văn T không có mặt tại địa phương để thực hiện nghĩa vụ và quyền của người cha theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó yêu cầu nuôi con của chị Đ, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Lò Thị Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Lò Thị Đ là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự;

- Các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 179, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 các Điều 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Đ được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung:

Chị Lò Thị Đ có nghĩa vụ, quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò Thị Xuân M, sinh ngày 26/7/2014 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Đ không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị Đ có quyền yêu cầu anh Lò Văn T cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu anh T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị Lò Thị Đ, anh Lò Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị Đ.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Lò Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/8/2018).

Anh Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Đ Biên.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đ Biên;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- UBND xã C;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương

